

Bản án số:06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/01/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Nga

Các Hội Thẩm nhân dân

1. Bà Hoàng Thị Chính
2. Ông Nguyễn Công Biên

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị T, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Số H đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số C đường P, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Văn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/05/1996. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 đến 4 năm đầu. Sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hoà hợp, kinh tế của ai người ấy tự lo, anh T1 không chăm lo cho gia đình vợ con, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng không thể ngồi nói chuyện được với nhau, khiến cuộc sống căng thẳng. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T có làm đơn xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 30/01/1993 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 21/8/2000. Các con chung đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1: Đã được Toà án triệu tập và ra thông báo yêu cầu cung cấp lời khai nhưng không cung cấp lời khai, ý kiến cho Toà án, không nhận văn bản của Toà án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 30/01/1993 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 21/8/2000. Các con chung đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị Văn Thị T không đề nghị giải quyết, anh Nguyễn Văn T1 không có ý kiến gì cung cấp cho Toà án nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tài liệu do Tòa án thu thập đủ cơ sở xác định: Chị Văn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/05/1996. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì quan hệ hôn nhân của chị Văn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân từ bất đồng tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022, không ai còn quan tâm và không có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 30/01/1993 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 21/8/2000. Các con chung đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T không đề nghị giải quyết, anh T1 không có ý kiến gì cung cấp cho Tòa nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.
2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 30/01/1993 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 21/8/2000. Các con chung đã trưởng thành, chị Văn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Văn Thị T không đề nghị giải quyết, anh Nguyễn Văn T1 không có ý kiến gì cung cấp cho Tòa án nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Văn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004931 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Văn Thị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, T.P Hải Phòng;
- UBND phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng (GCN kết hôn số 16 ngày 04/05/1996);
- TAND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Nga

